

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 23/2018/DS - ST

Ngày 27/11/2018

*Về Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Kim Cúc – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST-DS ngày 11/9/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX- ST ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: 130 P, phường 3, quận P, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng Giám đốc

(Quyết định ủy quyền số 122/QĐ - DAB - HĐQT ngày 27/4/2016)

Người đại diện theo ủy quyền thứ 2: Ông Trần Văn G – Giám đốc Chi nhánh Thái Bình – phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 636/QĐ - DAB - PC ngày 22/5/2018)

Người đại diện được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thanh T

Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 09/QĐ - DAB – DHG1 ngày 05/9/2018)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hữu Q, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đông C, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt bà C, ông Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Theo giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của bà Phạm Thị C, ngày 31/10/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ đã duyệt cho bà Phạm Thị C vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng kể từ ngày 31/10/2016 đến ngày 31/10/2017, mục đích vay đầu tư thêm đồ dùng nhà trẻ, hình thức thanh toán: trả cả gốc và lãi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng Đ (theo bảng dự tính thu RULE 78); hình thức bảo đảm khoản vay: tín chấp thông qua xác nhận của Chủ tịch Hội phụ nữ và Chủ tịch UBND xã Đ. Ngày 31/10/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã thực hiện cho bà C nhận nợ theo hình thức báo có vào tài khoản số 0109563649 của bà Phạm Thị C mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 20.000.000đồng. Quá trình vay, từ ngày 31/10/2016 đến ngày 31/3/2017, bà Phạm Thị C đã trả được tổng số tiền gồm: Gốc: 4.698.460đồng; lãi trong hạn: 790.187đồng. Do bà Phạm Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 01/4/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/8/2018, bà C còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là: 15.301.540đồng; lãi trong hạn: 1.009.813đồng; lãi quá hạn: 2.277.448đồng.

Do sơ xuất nên Ngân hàng đã không kiểm tra kỹ hồ sơ, không kiểm tra giấy tờ tùy thân của người bảo lãnh và cũng không trực tiếp nhìn người bảo lãnh ký vào hồ sơ. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/8/2018 là 18.588.801đồng, lãi phát sinh từ ngày 21/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2018) là 556.593 đồng.

Không yêu cầu người bảo lãnh là ông Phạm Hữu Q phải trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Phạm Thị C là bị đơn trình bày: Tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/6/2016, phần người vay bà là người trực tiếp ký tên. Bà thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ số tiền 20 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích vay mua đồ kinh doanh nhà trẻ. Chữ ký trong danh sách cho vay tiền trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 31/10/2016 và trong bảng dự tính thu theo Rule78 đúng là chữ ký của bà. Đến nay bà đã trả được bao nhiêu tiền cho Ngân hàng Đ bà cũng không biết. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bà phải trả số tiền nợ tính đến ngày 20/8/2018 là 18.588.801đồng gồm tiền gốc là: 15.301.540đồng; lãi trong hạn: 1.009.813đồng; lãi quá hạn: 2.277.448đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/8/2018 đến ngày bà thực trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, vì số tiền bà vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là bà vay cho anh Đỗ Đại Q ở thôn X, xã Đ. Bà đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đòi tiền anh Đỗ Đại Q, bà chỉ

ký tên và cho mượn chứng minh nhân dân của bà chứ bà không biết anh Đỗ Đại Q vay tiền để làm gì.

Đối với phần chữ ký người bảo lãnh có ký tên “Q – Phạm Hữu Q” không phải là chữ ký của anh Phạm Hữu Q- sinh năm 1968, trú tại thôn X, xã Đông C, huyện Đ, tỉnh T, bà không biết là chữ ký của ai, bà không đề nghị giám định chữ ký của anh Q trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ.

Vì lý do sức khỏe bà không đến Tòa án làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hữu Q đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng sau khi ông Q biết được nội dung các tài liệu ông Q không nhận các văn bản vì cho rằng ông không ký tên vào phần người bảo lãnh. Trong các ngày 27/9/2018 và ngày 01/10/2018 Ủy ban nhân dân xã Đ đã cử cán bộ của địa phương đi cùng Thẩm phán và thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đến nhà ông Phạm Hữu Q để ghi lời khai của ông Q và tổng đạt các văn bản của Tòa án. Ông Phạm Hữu Q cho rằng ông không ký tên vào phần người bảo lãnh trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, nên ông không viết bản tự khai và không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai của ông. Sau khi nghe Tòa án thông qua nội dung của thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, ông Q đã biết được nội dung các tài liệu trên nhưng ông không ký nhận và không ký tên vào biên bản giao.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật còn đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị C và ông Phạm Hữu Q đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bà Phạm Thị C và ông Phạm Hữu Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà C, ông Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bà C thừa nhận bà có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng bằng Giấy đề nghị vay vốn trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/6/2016. Mục

đích vay vốn là bà vay cho anh Đỗ Đại Q ở thôn X, xã Đ. Bà C không đồng ý trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên bà C thừa nhận bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20 triệu đồng. Việc bà C sau khi vay tiền của Ngân hàng sau đó cho người khác vay là giao dịch dân sự khác không liên quan đến Ngân hàng, bà C có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu. Như vậy xác nhận có việc bà C vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20 triệu đồng. Về lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi quá hạn là 1,5 lần mức lãi trong hạn tức là 13,5% phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về chữ ký Q – Phạm Hữu Q trong mục người bảo lãnh trong Giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/6/2016 bà C và ông Q đều cho rằng không phải là chữ ký của ông Q, Tòa án đã giải thích quy trình giám định chữ ký nhưng bà C không đề nghị giám định chữ ký, đại diện Ngân hàng cũng không đề nghị giám định chữ ký, Ngân hàng Đ đề nghị Tòa án chỉ buộc người vay có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng không yêu cầu người bảo lãnh phải trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Theo quy định tại Phần IV “Phần cam kết của người bảo lãnh” trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/6/2016 thì trong trường hợp bà Phạm Thị C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Đ Bank, ông Q sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Đ Bank. Tuy nhiên do hồ sơ tín dụng lập chưa được chặt chẽ và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không yêu cầu người bảo Lãnh phải trả nợ tiền cho Ngân hàng, vì vậy chỉ buộc bà C có trách nhiệm trả nợ cho Đ Bank không buộc ông Q phải trả cho Đ Bank.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà C, ông Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 122; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bà Phạm Thị C trả nợ.

Buộc bà Phạm Thị C, sinh năm 1962, trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (trả tại chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Bình) số tiền 19.145.394 đồng trong đó tiền gốc là: 15.301.540 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 27/11/2018 là 3.843.854 đồng gồm lãi trong hạn: 1.009.813 đồng; lãi quá hạn 2.834.041 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 957.269 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 500.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0007754 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C, ông Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Dương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương